

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Điệp**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 388/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1975 (Có mặt). Trú tại: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Cao Hồng T**, sinh năm 1974 (Có mặt). Trú tại: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Lê Thanh H** trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà **Cao Hồng T** chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời. Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó có nhiều lý do khác nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với bà **Cao Hồng T**.

Về con chung: Có 02 người con chung tên: Lê Tuấn N, sinh ngày 13/8/2012 (Giới tính: Nam) và Lê Hồng L, sinh ngày 29/9/2005 (Giới tính: Nữ); Hiện, các cháu do ông và bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu L; Nếu, cháu L có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; Đối cháu N, ông đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Trong vụ án này, ông yêu cầu không đặt ra việc cấp dưỡng; Giữa, ông và bà T sẽ thỏa thuận việc nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Cao Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông H; Bà và ông H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định; Ông H yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý; Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn; Bà vẫn còn tình cảm với ông H; Bà đồng ý bỏ qua việc ông H có quan hệ bất chính người phụ nữ khác; Bà muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để cùng nhau lo cho các con.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông H; Trường hợp, Tòa án có giải quyết cho ly hôn thì bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các cháu; Ông H, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu Lê Hồng L, nhưng cháu không có nguyện vọng được sống chung với ông H, bà T.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như sau:

Về hôn nhân: Cho ông Lê Thanh H được ly hôn với bà Cao Hồng T.

Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn N, sinh ngày 13/8/2012 (Giới tính: Nam) và cháu Lê Hồng L, sinh ngày 29/9/2005 (Giới tính: Nữ) cho bà Cao Hồng T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Lê Thanh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Tuấn N, sinh ngày 13/8/2012 (Giới tính: Nam) và Lê Hồng L, sinh

ngày 29/9/2005 (Giới tính: Nữ) theo quy định của pháp luật; Buộc ông H phải chịu các khoản án phí theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do, ông Lê Thanh H và bà Cao Hồng T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời; Nên, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông H và bà T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 214/2004, Quyền số: 02/2011 ngày 25/7/2004); Nên, hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H yêu cầu ly hôn, bà T yêu cầu được hàn gắn gia đình. Mâu thuẫn giữa ông H và bà T được Tòa án tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Tại phiên tòa, những lý do mâu thuẫn vợ chồng ông H trình bày, bà T thống nhất có; Nhưng, bà T xác định mâu thuẫn không trầm trọng, ông H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng và ông đã cố gắng chung sống để hàn gắn nhưng đến nay ông xác định không thể hàn gắn; Ông khẳng định không còn tình cảm với bà T. Đối với bà T, mặc dù vẫn còn tình cảm với ông H nhưng trong suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, bà T không thuyết phục được ông H để tiếp tục chung sống vợ chồng. Tại phiên tòa, bà T cũng không đưa ra được biện pháp hữu hiệu để giảm bớt mâu thuẫn, khắc phục rạn nứt đã tồn tại, để tiếp tục chung sống. Trong khi quan hệ vợ chồng phải được xây dựng trên tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau, chỉ một mình bà T cố gắng hàn gắn trong khi ông H xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn; Hiện tại, mặc dù ông H, bà T vẫn còn sống chung gia đình, nhưng nạnh ai nấy sống; Không ai quan tâm lo lắng cho ai, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà T; Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H là phù hợp với thực tế; Cho, ông H được ly hôn với bà T, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Theo, quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì sau khi ly hôn: “trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”; Mặc dù, cháu L không có nguyện vọng sống chung với ông H, bà T.

Nhưng, ông H thống nhất giao các cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Bà T thống nhất với ý kiến của ông H; Thống nhất nuôi dưỡng các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét, vì lợi ích của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự ổn định trong cuộc sống; Nên, cần giao cháu N, cháu L cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng: Theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con"; Do, phía bà T có yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Nhưng, phía ông H thì không đồng ý; Căn cứ quy định trên, cần buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu là phù hợp. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử (ngày 29/6/2020) đối với 01 người con; Mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Cần buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/6/2020.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do, ông H và bà T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc ông H phải chịu án phí số tiền 600.000 đồng (Trong đó: 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng); Đối trừ số tiền 300.000 đồng mà ông H đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003229 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, ông H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008; Điều 6; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Lê Thanh H được ly hôn với bà Cao Hồng T.
2. Về con chung: Giao con chung tên: Lê Tuấn N, sinh ngày 13/8/2012 (Giới tính: Nam) và Lê Hồng L, sinh ngày 29/5/2005 (Giới tính: Nữ) cho bà Cao Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Lê Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên: Lê Tuấn N, sinh ngày 13/8/2012 (Giới tính: Nam) và Lê Hồng L, sinh ngày 29/5/2005 (Giới tính: Nữ), với mỗi cháu số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/6/2020. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.
- Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.
5. Về án phí: Buộc ông Lê Thanh H phải chịu án phí số tiền 600.000 đồng, được trừ số tiền 300.000 đồng mà ông H đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003229 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời; Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang